

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T; nơi cư trú: đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N; nơi ĐKKHKT: đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Xóm A1, phường B1, quận C1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân

phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và căng thẳng từ tháng 7 năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về lối sống cũng như việc quản lý kinh tế. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T và chị N đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm nên anh Nguyễn Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị N để ổn định cuộc sống.

Tại phiên hòa giải: Anh T không đồng ý với quan điểm của chị N đề nghị anh phải hỗ trợ chị N số tiền là 660.000.000 (sáu trăm sáu mươi triệu) đồng, tương đương với công sức trong thời gian vợ chồng chung sống trong thời kỳ hôn nhân 11 năm vì Anh T cho rằng vợ chồng anh sống chung với gia đình anh, chị N không đóng góp gì trong khoảng thời gian này. Nay, Anh T phải lo cuộc sống, chăm sóc bố mẹ và các con nên anh không đồng ý hỗ trợ cho chị N. Vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, cho anh được ly hôn với chị N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N có hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16/02/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung ở với Anh T. Tại phiên hòa giải, Anh T và chị N thỏa thuận, Anh T là người trực tiếp nuôi hai con Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tú A. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N không có, nên Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Anh T và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về kinh tế, về tình cảm. Căng thẳng nhất là khoảng tháng 7 năm 2017, chị N và Anh T xảy ra cãi cọ, tranh chấp trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 14 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Nay, chị N xác định không còn tình cảm với Anh T. Vì vậy, chị Lê Thị N đồng ý thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về việc nuôi con: Chị N xác nhận chị và anh Nguyễn Anh T có hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16/02/2012. Ly hôn, chị N đề nghị Anh T nuôi cả hai con chung Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tú A. Về việc góp tiền nuôi con, chị N và Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị N xác nhận chị và anh Nguyễn Anh T không có tài sản chung nhưng chị N đề nghị Anh T phải hỗ trợ chị khoản tiền 660.000.000 (sáu trăm sáu mươi triệu) đồng, tương đương với công sức chị đã chung sống cùng với Anh T trong thời gian 11 năm từ khi kết hôn cho đến nay (5.000.000đồng/tháng x 12 tháng x 11 năm). Số tiền đó sẽ được gửi sổ tiết kiệm đứng tên chị N và sau này sẽ do con gái Nguyễn Tú A được hưởng.

Tại phiên tòa:

Anh T giữ nguyên quan điểm và ý kiến trình bày như đã nêu và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N vì không còn tình cảm với chị N, vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Chị N trình bày đồng ý ly hôn với Anh T vì cả hai đều không thể tiếp tục chung sống được nữa. Chị N đồng ý để Anh T nuôi cả hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16/02/2012. Tài sản chung của vợ chồng không có, nhưng chị N vẫn đề nghị Anh T hỗ trợ chị khoản tiền là 792.000.000 (bảy trăm chín mươi hai triệu) đồng, tương đương với công sức chị đã chung sống cùng với Anh T trong thời gian 11 năm (mỗi tháng là 6.000.000 đồng) từ khi kết hôn cho đến nay.

Kiểm sát viên tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc giao nhận thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát còn chậm theo quy định tại khoản 1 Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn chị Lê Thị N; chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con: Giao cả hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16/02/2012 cho Anh T trực tiếp nuôi; không xét đối với đề nghị của chị N buộc Anh T phải hỗ trợ số tiền 792.000.000 (bảy trăm chín mươi hai triệu) đồng, là số tiền công sức đóng góp của chị N trong thời gian chung sống cùng với Anh T trong thời kỳ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị N cùng thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của hai bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về việc nuôi con:

[3] Xét sự thống nhất nuôi con của anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận giao cả hai con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16/02/2012 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi, cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh T và chị N yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về việc chia tài sản:

[4] Anh Nguyễn Anh T, chị Lê Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về yêu cầu của bị đơn đề nghị nguyên đơn hỗ trợ số tiền 792.000.000 đồng, tương đương với công sức đóng góp trong khoảng thời gian 11 năm chung sống:

[5] Xét việc Anh T và chị N chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, không ai bị ép buộc, lừa dối. Mặt khác, sau khi kết hôn cho đến nay (11 năm), vợ chồng ở cùng với gia đình bố mẹ Anh T, nên việc tài sản sinh hoạt trong gia đình được tạo dựng trong khoảng thời gian này là để phục vụ cho cuộc sống của vợ chồng, con cái. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng không yêu cầu chia những tài sản sinh hoạt đó. Ngoài ra, chị N không có đơn yêu cầu độc lập, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình theo đề nghị và Thông báo của Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ xem xét đối với yêu cầu này của bị đơn.

Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N.

2. Về việc nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị N, giao con Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2009 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Không xét yêu cầu của bị đơn đối với nguyên đơn về việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải hỗ trợ số tiền là 792.000.000 (bảy trăm chín mươi hai triệu) đồng, tương đương với công sức đóng góp của bị đơn trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014717 ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến